

## **PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

### **CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

#### **I. Giới thiệu:**

##### **1. Giới thiệu về gói thầu**

- Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Điều tra xác định hiện trạng rừng trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2026.

- Tên dự án: Điều tra xác định hiện trạng rừng trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2026

- Tên chủ đầu tư: Chi cục Phát triển nông thôn và Kiểm lâm thành phố Cần Thơ.

- Nguồn vốn: Ngân sách địa phương.

- Hình thức thực hiện: Đấu thầu rộng rãi qua mạng;

- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói;

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 120 ngày;

- Địa điểm: Trên địa bàn 25 xã, phường, thành phố Cần Thơ, gồm: Hòa An, Phương Bình, Tân Phước Hưng, Hiệp Hưng, Phụng Hiệp, Hỏa lực, Vĩnh Tường, Vĩnh Viễn, Xà Phiên, Lương Tâm, Nhơn Mỹ, Vĩnh Hải, Lai Hòa, Hồ Đắc Kiên, Long Hưng, Mỹ Phước, Tân Long, Trần Đề, An Thạnh, Cù Lao Dung, phường Vị Tân, phường Long Phú 1, phường Ngã Bảy, phường Vĩnh Phước, phường Vĩnh Châu.

##### **\* Tổng quan dự án:**

- Tên dự án: Điều tra xác định hiện trạng rừng trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2026;

- Cơ quan quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ;

- Cơ quan chủ quản đầu tư: Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Cần Thơ;

- Cơ quan chủ đầu tư: Chi cục Phát triển nông thôn và Kiểm lâm thành phố Cần Thơ;

- Đơn vị thực hiện Điều tra rừng: Đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước về điều tra xác định hiện trạng rừng;

- Phạm vi: Toàn bộ diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng và đất chưa có rừng (quy hoạch cho mục đích lâm nghiệp) trên địa bàn 25 xã, phường của thành phố Cần Thơ;

- Quy mô: Tổng diện tích tiến hành điều tra rừng bao gồm rừng trồng chưa thành rừng với tổng diện tích 13.943,67 ha. Trong đó: rừng tự nhiên là 1.722,92 ha và rừng trồng đã thành rừng là 9.334,87 ha; rừng trồng chưa thành rừng 2.885,88 ha;

##### **2. Hiện trạng tài nguyên rừng và sự cần thiết điều tra rừng**

Thành phố Cần Thơ nằm ở cửa Nam sông Hậu trên tọa độ: 9012' - 9056' vĩ Bắc và 105033' - 106023' kinh Đông. Phía Bắc và Tây Bắc giáp tỉnh An Giang; Phía Tây

Nam giáp tỉnh Cà Mau; Phía Đông Bắc giáp tỉnh Vĩnh Long; Phía Đông và Đông Nam giáp Biển Đông.

Tổng diện tích đất tự nhiên của thành phố là 6.360,83 km<sup>2</sup>, tính đến ngày 31/12/2024, tổng diện tích rừng là 13.943,67 ha, tỷ lệ che phủ rừng 1,74%. Các hệ sinh thái rừng điển hình của thành phố Cần Thơ gồm hệ sinh thái rừng ngập nước trên đất phèn, ngập ngọt, hệ sinh thái rừng ngập mặn ở vùng ven biển. Các hệ sinh thái ngập nước có vai trò rất quan trọng trong việc cung cấp dịch vụ môi trường, lưu trữ khí nhà kính CO<sub>2</sub>; bảo vệ bờ biển, phòng chống gió bão; cố định, hạn chế xói lở, lún biển, hạn chế lan truyền nước biển và sóng biển vào sâu trong nội đồng, cố định dưỡng chất và cải thiện chất lượng nước. Cung cấp nơi sống, sinh sản, nơi kiếm ăn và dinh dưỡng cho các loài cá thương mại và các hệ sinh thái ven biển, làm sạch nước ở ven biển. Cung cấp gỗ, củi, lâm sản ngoài gỗ, dược liệu và tài nguyên thực vật, động vật. Bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ con người, bảo tồn các quá trình sinh thái, địa mạo ở vùng ven biển.

Điều tra rừng là công tác mở đường trong việc xây dựng và phát triển ngành Lâm nghiệp. Đó là cơ sở để triển khai mọi hoạt động kinh doanh sử dụng rừng. Mục tiêu chủ yếu của điều tra rừng là điều tra để đánh giá tài nguyên rừng, điều tra nghiên cứu đặc điểm sinh trưởng, biến động của diện tích và trữ lượng rừng, trữ lượng cacbon... Ngoài ra điều tra rừng giúp đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh sử dụng rừng qua các giai đoạn, cung cấp cơ sở dữ liệu để xây dựng phương án quy hoạch phát triển lâm nghiệp. Việc xây dựng kế hoạch điều tra rừng trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết, làm cơ sở dữ liệu phục vụ các hoạt động quản lý tài nguyên rừng và theo dõi, cập nhật diễn biến rừng hằng năm. Đồng thời quản lý rừng bền vững và phát huy giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng. Nội dung, phương pháp và sản phẩm của dự án điều tra rừng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm; và Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật điều tra rừng của Cục Kiểm lâm.

### **3. Căn cứ pháp lý**

- Luật Lâm nghiệp năm 2017;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;
- Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;
- Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” và tăng cường công tác quản lý, bảo

- Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

- Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT ngày 19/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra rừng;

- Quyết định số 145/QĐ-KL-CĐS ngày 18/06/2024 của Cục Kiểm Lâm về việc ban hành “Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật điều tra rừng”;

- Văn bản số 2338/BNN-KL ngày 01/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về điều tra xác định hiện trạng rừng;

- Văn bản số 6090/BNN-KL ngày 16/8/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai điều tra xác định hiện trạng rừng;

## **4. Mục đích, yêu cầu**

### **4.1. Mục đích**

Xác định được hiện trạng diện tích, trữ lượng rừng và trữ lượng các bon rừng đối với toàn bộ diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng và đất chưa có rừng (quy hoạch cho mục đích lâm nghiệp) trên địa bàn thành phố; phân theo mục đích sử dụng rừng, chủ rừng và đơn vị hành chính cấp xã làm cơ sở dữ liệu phục vụ các hoạt động quản lý tài nguyên rừng và theo dõi, cập nhật diễn biến rừng hằng năm. Đồng thời quản lý rừng bền vững và phát huy giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng.

### **4.2. Yêu cầu**

Nội dung, phương pháp và sản phẩm của dự án điều tra rừng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

Các số liệu đảm bảo thống nhất với bản đồ từ cấp xã, được xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và tổng hợp toàn thành phố; sản phẩm điều tra rừng gồm cả dạng số và dạng bản giấy theo quy định.

Sản phẩm điều tra diện tích, trữ lượng rừng đảm bảo độ chính xác (sai số cho phép); được cập nhật, đồng bộ vào cơ sở dữ liệu theo dõi diễn biến rừng (theo đơn vị hành chính cấp xã và toàn quốc); được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phê duyệt và công bố kết quả điều tra rừng theo quy định.

Quá trình thực hiện dự án phải đảm bảo được tính pháp lý, tính khoa học và thực tiễn khách quan trên địa bàn thành phố.

## **II. Phạm vi công việc**

### **1. Điều tra diện tích rừng**

(Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm).

- Điều tra diện tích rừng tự nhiên nguyên sinh, rừng tự nhiên thứ sinh;
- Điều tra diện tích rừng núi đất, rừng núi đá, rừng trên đất ngập nước và rừng trên cát;
- Điều tra diện tích rừng trồng theo loài cây, cấp tuổi;
- Điều tra diện tích khoanh nuôi tái sinh, diện tích mới trồng chưa thành rừng, diện tích khác đang được sử dụng để bảo vệ phát triển rừng;
- Điều tra diện tích các trạng thái rừng theo nhóm chủ rừng và theo đơn vị hành chính.

## **2. Điều tra trữ lượng rừng**

(Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm).

- Điều tra trữ lượng gỗ của rừng tự nhiên và rừng trồng;
- Điều tra trữ lượng tre nứa của rừng tự nhiên và rừng trồng;
- Điều tra trữ lượng gỗ và trữ lượng tre nứa của rừng hỗn giao gỗ và tre nứa.

## **3. Điều tra sinh khối và trữ lượng các-bon rừng**

(Thực hiện theo quy định tại khoản 14 Điều 16 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm).

- Điều tra sinh khối thực vật sống, bao gồm: các bộ phận của cây trên mặt đất và dưới đất;
- Điều tra trữ lượng các bon rừng, bao gồm: các-bon trong sinh khối sống; các-bon trong gỗ chết, các-bon trong thảm mục; các-bon trong đất.

Tại mục 3.2.2 Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật điều tra rừng quy định không tiến hành điều tra riêng về trữ lượng cac-bon rừng; trữ lượng cac-bon rừng chỉ tính phần cây đứng được tính thông qua trữ lượng gỗ, tre nứa đã điều tra cho các trạng thái rừng.

## **4. Phương pháp thực hiện nhiệm vụ**

### **4.1. Điều tra diện tích rừng**

(Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về

phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm).

- Điều tra diện tích rừng được thực hiện theo lô trạng thái rừng;
- Giải đoán ảnh viễn thám; xây dựng bản đồ giải đoán hiện trạng rừng bằng phần mềm chuyên dụng;
- Điều tra bổ sung hiện trạng các lô trạng thái rừng ngoài thực địa;
- Biên tập, hoàn thiện bản đồ hiện trạng rừng và tính toán diện tích các lô trạng thái rừng bằng các phần mềm chuyên dụng.

(Phương pháp tiến hành cụ thể thực hiện theo Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật điều tra rừng của Cục Kiểm lâm).

#### **4.2. Điều tra trữ lượng rừng**

(Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm).

- Sử dụng ô tiêu chuẩn bố trí ngẫu nhiên hoặc hệ thống, diện tích 1.000 m<sup>2</sup>, đối với những trạng thái rừng tự nhiên có diện tích lớn hơn 2.000 ha;

- Sử dụng ô tiêu chuẩn bố trí điển hình, diện tích từ 500 m<sup>2</sup> đến 1.000 m<sup>2</sup>, đối với những trạng thái rừng tự nhiên có diện tích nhỏ hơn 2.000 ha; tỷ lệ diện tích rút mẫu điều tra từ 0,01% đến 0,1%.

- Sử dụng ô tiêu chuẩn bố trí điển hình theo từng trạng thái rừng (loài cây, cấp tuổi), diện tích từ 100 m<sup>2</sup> đến 500 m<sup>2</sup> đối với rừng trồng; tỷ lệ diện tích rút mẫu điều tra từ 0,01% đến 0,05%;

- Điều tra cây gỗ và cây tre nứa bao gồm: xác định tên loài cây, phẩm chất cây, đo chiều cao vút ngọn, đường kính thân tại vị trí 1,3 m; trường hợp cần tính toán trữ lượng rừng bị mất thì đo đường kính tại vị trí 1,3 m đối với cây đã bị chặt hạ vẫn còn trên hiện trường, đo đường kính gốc chặt đối với cây bị chặt chỉ còn gốc;

- Sử dụng các thiết bị điều tra nhanh trữ lượng rừng;
- Sử dụng biểu trữ lượng, sản lượng lập sẵn để tra cứu;
- Sử dụng các phần mềm chuyên dụng để xử lý, phương pháp thống kê toán học tính toán trữ lượng rừng.

#### **4.3. Điều tra sinh khối và trữ lượng các-bon rừng**

(Thực hiện theo quy định tại khoản 14 Điều 16 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm).

- Sử dụng ô tiêu chuẩn bố trí ngẫu nhiên hoặc hệ thống, diện tích 1.000 m<sup>2</sup>, đối với những trạng thái rừng tự nhiên có diện tích lớn hơn 2.000 ha;

- Sử dụng ô tiêu chuẩn bố trí điển hình, diện tích từ 500 m<sup>2</sup> đến 1.000 m<sup>2</sup>, đối với những trạng thái rừng tự nhiên có diện tích nhỏ hơn 2.000 ha; tỷ lệ diện tích rút mẫu điều tra từ 0,01% đến 0,1%.

- Sử dụng ô tiêu chuẩn bố trí điển hình theo từng trạng thái rừng (loài cây, cấp tuổi), diện tích từ 100 m<sup>2</sup> đến 500 m<sup>2</sup> đối với rừng trồng; tỷ lệ diện tích rút mẫu điều tra từ 0,01% đến 0,05%;

- Điều tra cây gỗ và cây tre nứa bao gồm: xác định tên loài cây, phẩm chất cây, đo chiều cao vút ngọn, đường kính thân tại vị trí 1,3 m; trường hợp cần tính toán trữ lượng rừng bị mất thì đo đường kính tại vị trí 1,3 m đối với cây đã bị chặt hạ vẫn còn trên hiện trường, đo đường kính gốc chặt đối với cây bị chặt chỉ còn gốc;

- Sử dụng các thiết bị điều tra nhanh trữ lượng rừng;

- Sử dụng biểu trữ lượng, sản lượng lập sẵn để tra cứu;

- Sử dụng các phần mềm chuyên dụng để xử lý, phương pháp thống kê toán học tính toán trữ lượng rừng.

- Thu thập mẫu điều tra, bao gồm: cây gỗ, cây tái sinh, cây bụi, thảm tươi, dây leo, thảm mục, các bộ phận cây dưới mặt đất để tính toán trực tiếp trữ lượng các-bon;

- Lấy mẫu đất và phân tích trữ lượng các-bon trong đất;

- Tính toán trữ lượng các-bon bằng phương pháp trực tiếp từ mẫu điều tra cây gỗ, cây tái sinh, cây bụi, thảm tươi, dây leo, thảm mục, các bộ phận cây dưới mặt đất hoặc quy đổi gián tiếp khác từ sinh khối.

### **Tính toán trữ lượng các-bon rừng**

Thực hiện theo Quyết định số 145/QĐ-KL-CĐS ngày 18/6/2024 của Cục Kiểm lâm về việc ban hành “Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật điều tra rừng”.

### **5. Khối lượng thực hiện**

<b>TT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Khối lượng</b>
<b>I</b>	<b>Chi phí nhân công</b>		
1	Thu thập thông tin, tư liệu liên quan phục vụ nhiệm vụ (Từ 10.000 ha đến dưới 30.000 ha)	Nhiệm vụ	1
2	Xây dựng đề cương, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	Nhiệm vụ	1
3	Hội nghị thông qua đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	Hội nghị	1

<b>TT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Khối lượng</b>
4	Chỉnh sửa đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	Nhiệm vụ	1
<b>II</b>	<b>Công tác chuẩn bị</b>		
1	Thiết kế kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ	Nhiệm vụ	1
2	Thống nhất biện pháp kỹ thuật	Nhiệm vụ	1
3	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ (Từ 10.000 ha đến dưới 30.000 ha)	Nhiệm vụ	1
4	Tiếp nhận các loại bản đồ phục vụ thực hiện nhiệm vụ	Xã	12
5	Thành lập bình đồ ảnh viễn thám (Mua bình đồ ảnh đã có đơn giá (thực hiện theo quy định hiện hành))	Km <sup>2</sup>	994
6	Kế thừa, thành lập các lớp bản đồ nền về lâm nghiệp cần thiết cho bản đồ thành quả (Tỷ lệ 1/10.000)	Mảnh	21
7	Thiết kế, lập hệ thống điểm lấy mẫu khóa ảnh trên bản đồ bằng phần mềm chuyên dùng (Dưới 50.000 ha)	Nhiệm vụ	1
8	Tiếp nhận tài liệu mẫu khóa ảnh thu thập ngoài thực địa và kiểm tra (Dưới 50.000 ha)	Nhiệm vụ	1
9	Phân tích, đối chiếu bộ mẫu khóa ảnh thu thập thực địa với bộ mẫu khóa ảnh trong phòng	Mẫu	360
10	Giải đoán ảnh viễn thám và xây dựng bản đồ hiện trạng rừng (Tỷ lệ 1/10.000)	Mảnh	22
11	Chồng xếp bản đồ, xác định diện tích cần kiểm tra hiện trường trong quá trình điều tra rừng	Xã, chủ rừng	12
12	Phân tích, thiết kế hệ thống mẫu điều tra (Dưới 50.000 ha)	Nhiệm vụ	1
13	Thăm dò biến động mẫu điều tra (Dưới 50.000 ha)	Nhiệm vụ	1
14	Chuẩn bị vật tư, kỹ thuật	Nhiệm vụ	1
<b>III</b>	<b>Công tác thực địa</b>		
1	Hội nghị triển khai nhiệm vụ ở các cấp	Hội nghị	9
2	Sơ thám, thu thập số liệu, làm thủ tục hành chính với cấp thành phố (Dưới 50.000 ha)	TP	1
3	Di chuyển trong quá trình điều tra	Km	800
4	Điều tra, thu thập thông tin mẫu khóa ảnh ngoài thực địa phục vụ giải đoán ảnh viễn thám	Mẫu	385

<b>TT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Khối lượng</b>
5	Chụp ảnh hiện trạng rừng bằng thiết bị bay không người lái (Bay dạng vùng)	100 ha	4.676
6	Điều tra, chỉnh lý, bổ sung bản đồ hiện trạng rừng sau giải đoán ảnh ngoài thực địa (Tỷ lệ 1/10.000)	Mảnh	21
7	Điều tra, khoanh vẽ bản đồ hiện trạng rừng ngoài thực địa (Điều tra, khoanh vẽ theo phương pháp khoanh lô trên tuyến điều tra)	Ha	1.030
8	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng gỗ trồng (Diện tích 500 m <sup>2</sup> )	OTC	66,7
9	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng ngập mặn, rừng ngập phèn, rừng ngập nước ngọt (Diện tích 500 m <sup>2</sup> )	OTC	35
10	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng ngập phèn (Diện tích 1.000 m <sup>2</sup> )	OTC	25
11	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp thành phố (Từ 600.000 ha trở lên)	TP	1
12	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá biến động sử dụng đất lâm nghiệp qua các thời kỳ	Điểm điều tra	1
13	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp thành phố	TP	1
14	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp thành phố (Từ 200.000 ha đến dưới 400.000 ha)	TP	1
15	Điều tra, thu thập tư liệu hiện có tại địa phương, cơ sở	Nhiệm vụ	1
16	Hoàn chỉnh bản đồ, số liệu thực địa	Ha	8.220
17	Làm việc thống nhất số liệu với địa phương, cơ sở	Nhiệm vụ	9
18	Chuyên quân và rút quân thực địa (Cự ly > 200 km)	Người	15
<b>IV</b>	<b>Công tác nội nghiệp</b>		
1	Ghép ảnh, xử lý ảnh, xây dựng bản đồ hiện trạng rừng và tính toán các chỉ tiêu của trạng thái rừng từ ảnh chụp bằng thiết bị bay không người lái (Tỷ lệ 1/10.000)	Ha	1.676

<b>TT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Khối lượng</b>
2	Hiệu chỉnh kết quả sau điều tra thực địa và biên tập xây dựng bản đồ hiện trạng rừng (Tỷ lệ 1/10.000)	Mảnh	21
3	Tạo bảng thuộc tính và nhập thông tin cho từng lô rừng, đất chưa có rừng	Lô	2.500
4	Phân chia và đánh số lô trên bản đồ hiện trạng rừng	Lô	2.500
5	Tính toán diện tích các lô rừng và đất chưa có rừng	Lô	2.500
6	Nhập số liệu điều tra vào máy tính theo các biểu điều tra	Biểu	126
7	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng gỗ trồng (Diện tích 500 m <sup>2</sup> )	OTC	101
8	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng gỗ trồng	OTC	25
9	Tính toán số liệu điều tra sinh khối	OTC	126
10	Tính toán quy đổi trữ lượng các bon rừng	Trạng thái rừng	30
11	Tính toán, thống kê xây dựng các loại biểu (Biểu chỉ tiêu sinh khối và trữ lượng các bon rừng)	Biểu	10
12	Nhân bản, lưu trữ sản phẩm bản đồ (dạng số)	Nhiệm vụ	1
13	Tổng hợp hóa dữ liệu, biên tập, xây dựng bản đồ hiện trạng rừng cấp xã (Tổng hợp hóa các yếu tố nội dung bản đồ cấp xã)	Mảnh	25
14	Tổng hợp hóa dữ liệu, biên tập, xây dựng bản đồ hiện trạng rừng cấp xã (Biên tập trình bày bản đồ hiện trạng rừng cấp xã)	Mảnh	25
15	Tổng hợp hóa dữ liệu, biên tập, xây dựng bản đồ hiện trạng rừng cấp thành phố (Tổng hợp hóa lớp hiện trạng rừng bản đồ cấp thành phố từ bản đồ cấp xã)	Mảnh	1
16	Tổng hợp hóa dữ liệu, biên tập, xây dựng bản đồ hiện trạng rừng cấp thành phố (Biên tập trình bày bản đồ hiện trạng rừng cấp thành phố)	Mảnh	1
17	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp tỉnh (Trên 600.000)	TP	1
18	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp tỉnh (Trên 600.000 ha)	TP	1

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
19	Hội nghị, hội thảo tại địa phương, cơ sở	Hội nghị, hội thảo	12
20	Chỉnh sửa tài liệu, báo cáo sau hội nghị, hội thảo	Báo cáo	1
21	In ấn, giao nộp tài liệu, thành quả	Nhiệm vụ	1

## 6. Các sản phẩm của nhiệm vụ

Sản phẩm của dự án điều tra rừng thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 14 Điều 16 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi và Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật điều tra rừng của Cục Kiểm lâm, cụ thể như sau:

### 6.1. Sản phẩm chính (số lượng 02 bộ)

- Quyết định phê duyệt và công bố kết quả điều tra rừng của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Báo cáo kết quả điều tra diện tích rừng cấp thành phố.

- Hệ thống các bảng biểu tổng hợp:

+ Biểu 01: Các chỉ tiêu bình quân về trữ lượng rừng (cấp thành phố).

+ Biểu 02: Diện tích các loại rừng phân theo mục đích sử dụng (cấp xã, thành phố).

+ Biểu 03: Trữ lượng các loại rừng phân theo mục đích sử dụng (cấp xã, thành phố).

+ Biểu 04: Trữ lượng các-bon rừng phân theo mục đích sử dụng (cấp xã, thành phố).

+ Biểu 05: Tổng hợp tỷ lệ che phủ rừng (cấp xã, thành phố).

+ Biểu 06: Diện tích rừng trồng phân theo loài cây và cấp tuổi (cấp xã, thành phố).

+ Biểu 07: Trữ lượng rừng trồng phân theo loài cây và cấp tuổi (cấp xã, thành phố).

+ Biểu 08: Trữ lượng các-bon rừng trồng phân theo loài cây và cấp tuổi (cấp xã, thành phố).

+ Biểu 09: Tổng hợp diện tích các loại rừng theo mục đích sử dụng (cấp xã, thành phố).

+ Biểu 10: Tổng hợp trữ lượng các loại rừng theo mục đích sử dụng (cấp xã, thành phố).

+ Biểu 11: Tổng hợp trữ lượng các-bon các loại rừng theo mục đích sử dụng (cấp xã, thành phố).

- Hệ thống bản đồ và cơ sở dữ liệu (bản số và bản in):

+ Cấp xã: Bản đồ hiện trạng rừng cấp xã thực hiện theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11565-2016, Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT và Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật điều tra rừng của Cục Kiểm lâm, cụ thể: Tỷ lệ 1/10.000; Bản đồ số là bản đồ dạng GIS sử dụng Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia VN-2000 (định dạng đuôi .tab).

+ Cấp thành phố: Bản đồ hiện trạng rừng cấp thành phố (được tổng hợp từ bản đồ hiện trạng rừng cấp xã) thực hiện theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11565-2016, Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT và Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật điều tra rừng của Cục Kiểm lâm, cụ thể: Tỷ lệ 1/100.000; Bản đồ số là bản đồ dạng GIS sử dụng Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia VN-2000 (định dạng đuôi .tab).

## **6.2. Các sản phẩm trung gian**

- Bản đồ điều tra, chỉnh lý bổ sung bản đồ hiện trạng rừng sau giải đoán ảnh ngoài thực địa (01 bộ);

- Phiếu điều tra trữ lượng rừng trồng (01 bộ);

- Biên bản làm việc cấp xã, chủ rừng nhóm II và các bảng biểu tổng hợp kèm theo (03 bộ) ;

- Biên bản/thông báo kết luận hội nghị cấp xã (03 bộ);

- Biên bản/thông báo kết luận hội nghị cấp thành phố (03 bộ).

## **III. Báo cáo và thời gian thực hiện:**

### **1. Báo cáo**

- Báo cáo định kỳ: Định kỳ báo cáo hàng tuần.

- Báo cáo hàng tháng: Trong quá trình thực hiện đơn vị tư vấn thực hiện báo cáo tiến độ triển khai hàng tháng.

- Báo cáo đột xuất: Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ đầu tư; báo cáo trong các kỳ họp; báo cáo giải trình kết quả.

- Báo cáo những phát sinh ngoài hợp đồng và chỉ được thực hiện khi có văn bản đồng ý của chủ đầu tư.

- Kết thúc mỗi bước công việc đơn vị tư vấn cần xây dựng báo cáo hoàn thành gửi chủ đầu tư để thực hiện công tác giám sát, đôn đốc, kiểm tra và nghiệm thu.

### **2. Thời gian, tiến độ thực hiện**

- **Thời gian thực hiện:** 120 ngày.

- **Tiến độ báo cáo:** Nhà thầu phải báo cáo Chủ đầu tư về kết quả thực hiện theo từng bước công việc cụ thể và phải cung cấp tài liệu sản phẩm và cử nhân sự để phục vụ kiểm tra, nghiệm thu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

## **IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:**

### **1. Yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm.**

- Đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá quy định tại mục 2 chương III

- Đơn vị tư vấn phải có đủ tư cách pháp nhân theo quy định hiện hành của pháp luật, được cơ quan có thẩm quyền cấp phép và còn hiệu lực hoạt động.

## **2. Yêu cầu về nhân sự**

- Nhân lực của nhà thầu và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, bằng cấp, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ đảm nhận và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực quy định trong E-HSMT.

- Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSMT trừ trường hợp chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 27 Chương I thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.

- Trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình thì chủ đầu tư có văn bản yêu cầu thay thế chuyên gia đó. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại ĐKCT, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu.

- Ngoài ra nhà thầu có thể bố trí thêm các nhân sự khác nhằm nâng cao chất lượng hoặc đảm bảo tiến độ, đẩy nhanh tiến độ công việc tư vấn. Trong trường hợp này các nhân sự bố trí thêm phải đảm bảo năng lực và kinh nghiệm theo quy định của pháp luật.

- Nhân sự chủ chốt phải có hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn ký với nhà thầu. Trường hợp sử dụng một số nhân sự chủ chốt không thuộc quản lý của nhà thầu thì phải nêu rõ lý do và chứng minh khả năng huy động nhân sự đó, có cam kết tham gia thực hiện nếu nhà thầu được lựa chọn.

- Nhà thầu chỉ được đề xuất 01 nhân sự bố trí cho 01 chức danh hoặc công việc yêu cầu trong E-HSMT, không bố trí kiêm nhiệm.

- Năng lực kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được thể hiện trong bản kê khai năng lực kinh nghiệm của cán bộ và xác nhận của chủ đầu tư hoặc các tài liệu khác tương đương.

## **3. Về máy, thiết bị, phần mềm:**

- Máy, thiết bị: Có đầy đủ phương tiện, máy, trang thiết bị phục vụ triển khai gói thầu (Các thiết bị, máy móc phải được kiểm định theo quy định), phù hợp và đáp ứng đề xuất biện pháp kỹ thuật của Nhà thầu, đáp ứng các quy định hiện hành.

- Phần mềm: Các tài liệu để chứng minh năng lực huy động phần mềm, phần mềm hoạt động đáng tin cậy.

## **V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:**

Bố trí cán bộ có trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ đơn vị Tư vấn trong quá trình thực hiện hoạt động.

Bố trí đủ kinh phí, thực hiện tạm ứng, thanh toán từng công đoạn theo nội dung của Hợp đồng dịch vụ tư vấn.

- Cung cấp tài liệu cho nhà thầu và các văn bản liên quan đến công việc;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng;
- Nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành kịp thời cho nhà thầu khi nhà thầu gửi đầy đủ hồ sơ nghiệm thu thanh toán theo chế độ hiện hành cho Chủ đầu tư.
- Cùng nhà thầu tổ chức trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.